BỘ NỘI VỤ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số:1210/BNV-TCBC V/v báo cáo kết quả xây dựng Đề án và phê duyệt vị trí việc làm	*Hà Nội, ngày 08 tháng 03năm 2024*

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ[1];
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Đại học Quốc gia Hà Nội;
- Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc TW.

Thực hiện quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP[2]; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP[3] và ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang tại Văn bản số 283/TB-VPCP, Văn bản số 520/TB-VPCP[4], Bộ Nội vụ đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương rà soát, báo cáo kết quả xây dựng Đề án vị trí việc làm và phê duyệt vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý theo các nội dung sau đây:

1. Tình hình xây dựng vị trí việc làm: (1) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo; (2) Quá trình triển khai thực hiện.

2. Đề nghị các Bộ, ngành, địa phương tập trung hoàn thành việc phê duyệt vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm hoàn thành trước ngày 31/3/2024 (theo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang tại Văn bản số 520/TB-VPCP ngày 14/12/2023) và báo cáo kết quả phê duyệt vị trí việc làm, bố trí biên chế công chức, số lượng người làm việc theo vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập (theo phụ lục gửi kèm) và kết quả phê duyệt vị trí việc làm cán bộ, công chức cấp xã.

---

[1] Không bao gồm Bộ Công an, Bộ Quốc phòng.

[2] Khoản 6, khoản 7 Điều 14; khoản 4, khoản 5 Điều 16 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức.

[3] Điểm g khoản 2 Điều 12, khoản 9 Điều 14 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

[4] Văn bản số 283/TB-VPCP ngày 21/7/2023 của Văn phòng Chính phủ thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang, Trưởng Ban chỉ đạo tại Phiên họp thứ nhất Ban Chỉ đạo xây dựng và quản lý vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; Văn bản số 520/TB-VPCP ngày 14/12/2023 của Văn phòng Chính phủ thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang, Trưởng ban chỉ đạo xây dựng và quản lý vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập tại Hội nghị toàn quốc triển khai xây dựng, quản lý vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Đánh giá việc xây dựng Đề án vị trí việc làm và phê duyệt vị trí việc làm

- Ưu điểm;

- Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân;

- Bài học kinh nghiệm.

4. Đề xuất, kiến nghị (nếu có).

Báo cáo của Bộ, ngành, địa phương xin gửi về Bộ Nội vụ chậm nhất ngày 31/3/2024 (file mềm gửi về địa chỉ: thuhangbnv@gmail.com) để Bộ Nội vụ tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Sở Nội vụ tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Trọng Thừa;
- Lưu VT, TCBC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Trọng Thừa

BỘ, NGÀNH… **Phụ lục 1A**

THỰC TRẠNG BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC THEO NGẠCH TẠI THỜI ĐIỂM TRƯỚC KHI PHÊ DUYỆT VTVL THEO HƯỚNG DẪN CỦA BỘ QUẢN LÝ NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Văn bản số 1210/BNV-TCBC ngày 08 tháng 03 năm 2024 của Bộ Nội vụ)

TT	Tên đơn vị	Biên chế công chức được giao	Số biên chế công chức có mặt chia theo ngạch						Ghi chú
			Tổng số	*Chỉa ra*					
				CVCC & TĐ	CVC & TĐ	CV & TĐ	CS & TĐ	Nhân viên	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*
	TỔNG CỘNG:								
I	**LÃNH ĐẠO BỘ**								
II	**CÁC TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH**								
1	Vụ A								
	- Phòng chuyên môn, nghiệp vụ (nếu có)								
2	Văn phòng								
	- Phòng chuyên môn, nghiệp vụ (nếu có)								
3	Thanh tra								
	- Phòng chuyên môn, nghiệp vụ								
4	Cục (nếu có)								
	- Phòng…								
	- Văn phòng								
	- Thanh tra (nếu có)								
	- Chi cục (nếu có)								
5	Tổng cục (nếu có)								
	- Vụ								
	- Văn phòng								
	- Cục (nếu có)								
	- Thanh tra (nếu có)								

BỘ, NGÀNH… **Phụ lục 1B**

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÊ DUYỆT VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ BỐ TRÍ BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM TRONG CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Văn bản số 1210/BNV-TCBC ngày 08 tháng 03 năm 2024 của Bộ Nội vụ

TT	Tên đơn vị	Số lượng vị trí việc làm					Số được giao tương ứng với các VTVL					Cơ cấu theo vị trí việc làm													Ghi chú
		Tổng số	*Chia ra*				Tổng số	Biên chế công chức được giao tương ứng với các VTVL			Số được giao tương ứng với VTVL hỗ trợ, phục vụ	Cơ cấu công chức theo vị trí việc làm											*VTVL hỗ trợ, phục vụ*		
								Chia ra				*Chia ra*													
												VTVL nghiệp vụ chuyên ngành						*VTVL nghiệp vụ chuyên môn dùng chung*							
			VTVL lãnh đạo, quản lý	VTVL nghiệp vụ chuyên ngành	VTVL nghiệp vụ chuyên môn dùng chung	VTVL hỗ trợ, phục vụ		VTVL lãnh đạo, quản lý	VTVL nghiệp vụ chuyên ngành	VTVL nghiệp vụ chuyên môn dùng chung		CVCC & TĐ	CVC & TĐ	CV & TĐ	CS & TĐ	Nhân viên	Chưa xác định ngạch	CVCC & TĐ	CVC & TĐ	CV & TĐ	CS & TĐ	Nhân viên	CS & TĐ	Nhân viên	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*	*(18)*	*(19)*	*(20)*	*(21)*	*(22)*	*(23)*	*(24)*	*(25)*	*(26)*
	TỔNG CỘNG:																								
	Tỷ lệ											%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	
I	**LÃNH ĐẠO BỘ**																								
II	**CÁC TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH**																								
1	Vụ A																								
	- Phòng chuyên môn, nghiệp vụ (nếu có)																								
2	Văn phòng																								
	- Phòng chuyên môn, nghiệp vụ (nếu có)																								
3	Thanh tra																								
	- Phòng chuyên môn, nghiệp vụ																								
4	Cục (nếu có)																								
	- Phòng…																								
	- Văn phòng																								

	- Thanh tra (nếu có)																								
	- Chi cục (nếu có)																								
5	Tổng cục (nếu có)																								
	- Vụ																								
	- Văn phòng																								
	- Cục (nếu có)																								
	- Thanh tra (nếu có)																								

Ghi chú :

- Cột (10) = Cột (13) + Cột (14) + Cột (15) + Cột (16) +Cột (17) +Cột (18)
- Cột (11) = Cột (19) + Cột (20) + Cột (21) + Cột (22) +Cột (23)
- Cột (18): Chỉ thống kê đối với 11 vị trí công chức chuyên ngành đối ngoại tại các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài

TỈNH, THÀNH PHỐ:..... **Phụ lục 2A**

THỰC TRẠNG BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC THEO NGẠCH TẠI THỜI ĐIỂM TRƯỚC KHI PHÊ DUYỆT VTVL THEO HƯỚNG DẪN CỦA BỘ QUẢN LÝ NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Văn bản số 1210BNV-TCBC ngày 08 tháng 03năm 2024 của Bộ Nội vụ)

TT	Tên đơn vị	Biên chế công chức được giao	Số biên chế công chức có mặt chia theo ngạch						Ghi chú
			Tổng số	Chia ra					
				CVCC &TĐ	CVC & TĐ	CV & TĐ	CS & TĐ	Nhân viên	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*
	TỔNG CỘNG:								
A	**CẤP TỈNH**								
I	**LÃNH ĐẠO TỈNH**								
II	**CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN**								
1	Sở A								
	- Phòng chuyên môn, nghiệp vụ								
	- Thanh tra (nếu có)								
	- Văn phòng (nếu có)								
	- Chi cục và tổ chức tương đương (nếu có)								
III	**CÁC TỔ CHỨC KHÁC CÓ SỬ DỤNG BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC**								
	- …								
	- …								
B	**CẤP HUYỆN**								
I	**LÃNH ĐẠO HUYỆN**								
II	**CÁC PHÒNG CHUYÊN MÔN**								
	- Phòng A…								
	- Phòng B…								

TỈNH, THÀNH PHỐ:..... **Phụ lục 2B**

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÊ DUYỆT VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ BỐ TRÍ BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM TRONG CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Văn bản số 1210/BNV-TCBC ngày 08 tháng 03 năm 2024 của Bộ Nội vụ)

TT	Tên đơn vị	Số lượng vị trí việc làm					Số được giao tương ứng với các VTVL					Cơ cấu theo vị trí việc làm										Ghi chú
								Biên chế công chức được giao tương ứng với các VTVL				Cơ cấu công chức theo vị trí việc làm								*VTVL hỗ trợ, phục vụ*		
			Chia ra					*Chia ra*				*Chia ra*										
												VTVL nghiệp vụ chuyên ngành				*VTVL nghiệp vụ chuyên môn dùng chung*						
		Tổng số	VTVL lãnh đạo, quản lý	VTVL nghiệp vụ chuyên ngành	VTVL nghiệp vụ chuyên môn dùng chung	VTVL hỗ trợ, phục vụ	**Tổng số**	VTVL lãnh đạo, quản lý	VTVL nghiệp vụ chuyên ngành	VTVL nghiệp vụ chuyên môn dùng chung	Số được giao tương ứng với VTVL hỗ trợ, phục vụ	CVC & TĐ	CV & TĐ	CS & TĐ	Nhân viên	CVC & TĐ	CV & TĐ	CS & TĐ	Nhân viên	CS & TĐ	Nhân viên	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*	*(18)*	*(19)*	*(20)*	*(21)*	*(22)*	*(23)*
	TỔNG CỘNG (A + B):																					
	Tỷ lệ											%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	
A	**CẤP TỈNH**																					
I	**LÃNH ĐẠO TỈNH**																					
II	**CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN**																					
1	Sở A																					
	- Phòng chuyên môn, nghiệp vụ																					
	- Thanh tra (nếu có)																					
	- Văn phòng (nếu có)																					
	- Chi cục và tổ chức tương đương (nếu có)																					
III	**CÁC TỔ CHỨC KHÁC CÓ SỬ DỤNG BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC**																					
	- …																					

	- …																					
B	**CẤP HUYỆN**																					
I	**LÃNH ĐẠO HUYỆN**																					
II	**CÁC PHÒNG CHUYÊN MÔN**																					
	- Phòng A…																					
	- Phòng B…																					

Ghi chú :

- Cột (10) = Cột (13) + Cột (14) + Cột (15) +Cột (16)
- Cột (11) = Cột (17) + Cột (18) + Cột (19) +Cột (20)

Bộ, ngành: **Phụ lục 3A**

THỰC TRẠNG VIÊN CHỨC THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP HOẶC NGẠCH CÔNG CHỨC
TẠI THỜI ĐIỂM TRƯỚC KHI PHÊ DUYỆT VTVL THEO HƯỚNG DẪN CỦA BỘ QUẢN LÝ NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Văn bản số 1210/BNV-TCBC ngày 08 tháng 03 năm 2024 của Bộ Nội vụ)

TT	Tên đơn vị	Số lượng người làm việc được giao	Số viên chức có mặt chia theo chức danh nghề nghiệp hoặc ngạch công chức												Ghi chú
			Tổng số	Theo chức danh nghề nghiệp						Áp dụng ngạch công chức (nếu có)					
				Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Hạng V	Chưa xếp hạng	CVCC & TĐ	CVC & TĐ	CV & TĐ	CS & TĐ	Nhân viên	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*
	TỔNG CỘNG														
I	**ĐVSN thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ**														
1	ĐVSNCL thuộc cơ cấu tổ chức của bộ														
	- ĐVSNCL thuộc cơ cấu tổ chức của bộ														
	- ĐVSNCL trực thuộc bộ														
	- ĐVSNCL ở nước ngoài (nếu có)														
2	ĐVSNCL thuộc Tổng cục và tổ chức tương đương Tổng cục														

3	ĐVSNCL thuộc Cục thuộc bộ														
4	ĐVSNCL thuộc chi cục thuộc cục thuộc bộ														
5	ĐVSNCL thuộc Văn phòng thuộc bộ														
6	ĐVSNCL thuộc cục thuộc tổng cục thuộc bộ														
II	**ĐVSNCL thuộc cơ quan thuộc Chính phủ**														
III	**ĐVSNCL thuộc tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị ĐVSNCL**														

Bộ, ngành:

Phụ lục 3B

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÊ DUYỆT VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ BỐ TRÍ SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

(Kèm theo Văn bản số 1210/BNV-TCBC ngày 08 tháng 03 năm 2024 của Bộ Nội vụ)

TT	Tên đơn vị	Số lượng vị trí việc làm					Số được giao tương ứng với các vị trí việc làm					Cơ cấu theo vị trí việc làm																								Ghi chú
												Cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp																						*VTVL hỗ trợ, phục vụ*		
								Số lượng người làm việc được giao tương với các VTVL				*Chia ra*																								
			Chia ra					*Chia ra*				*VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành*											*VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung*												
												Chức danh nghề nghiệp						Áp dụng ngạch công chức (nếu có)					Chức danh nghề nghiệp					Áp dụng ngạch công chức (nếu có)							
		Tổng số	VTVL lãnh đạo, quản lý	VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung (nếu có)	VTVL hỗ trợ, phục vụ (nếu có)	**Tổng số**	VTVL lãnh đạo, quản lý	VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung (nếu có)	Số được giao tương ứng với VTVL hỗ trợ, phục vụ (nếu có)	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Hạng V	Chưa xếp hạng	CVCC & TĐ	CVC & TĐ	CV & TĐ	CS & TĐ	Nhân viên	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Hạng V	CVCC & TĐ	CVC & TĐ	CV & TĐ	CS & TĐ	Nhân viên	CS & TĐ	Nhân viên	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*	*(18)*	*(19)*	*(20)*	*(21)*	*(22)*	*(23)*	*(24)*	*(25)*	*(26)*	*(27)*	*(28)*	*(29)*	*(30)*	*(31)*	*(32)*	*(33)*	*(34)*	*(35)*	*(36)*
	TỔNG CỘNG																																		
	Tỷ lệ											%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	
I	**ĐVSN thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ**																																		
1	ĐVSNCL thuộc cơ cấu tổ chức của bộ																																		
	- ĐVSNCL thuộc cơ cấu tổ chức của bộ																																		
	- ĐVSNCL trực thuộc bộ																																		
	- ĐVSNCL ở nước ngoài (nếu có)																																		
2	ĐVSNCL thuộc Tổng cục và tổ chức tương đương Tổng cục																																		
3	ĐVSNCL thuộc Cục thuộc bộ																																		
4	ĐVSNCL thuộc chi cục thuộc cục thuộc bộ																																		
5	ĐVSNCL thuộc Văn phòng thuộc bộ																																		
6	ĐVSNCL thuộc cục thuộc tổng cục thuộc bộ																																		
II	**ĐVSNCL thuộc cơ quan thuộc Chính phủ**																																		
III	**ĐVSNCL thuộc tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị ĐVSNCL**																																		

Ghi chú:

- Cột (10) = Cột (13) + Cột (14) + Cột (15) +Cột (16) + Cột (17) +Cột (18) + Cột 19 + Cột (20) + Cột (21) + Cột (22) + Cột (23)
- Cột (11) = Cột (24) + Cột (25) + Cột (26) +Cột (27) + Cột (28) +Cột (29) + Cột (30) + Cột (31) + Cột (32) + Cột (33) + Cột (33)
- Cột (18): Chi thống kê đối với:

+ 04 vị trí thuộc ngành, lĩnh vực giáo dục và đào tạo: Giáo vụ; Tư vấn học sinh; Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật; Thiết bị, thí nghiệm.

+ 02 vị trí thuộc ngành, lĩnh vực y tế: Tâm lý y khoa; Tâm lý lâm sàng.

+ 18 vị trí thuộc ngành giao thông vận tải, gồm: Thuyền trưởng; Máy trưởng; Đại phó: Máy hai; Thuyền phó hai; Máy ba; Thuyền phó ba; Máy tư; Sỹ quan kỹ thuật điện; Thủy thủ trưởng; Thủy thủ; Thợ máy; Thợ kỹ thuật điện; Nhân viên cứu nạn; Bác sỹ tàu; Y tá tàu; Phục vụ viên; Cấp dưỡng viên.

TỈNH, THÀNH PHỐ:..... **Phụ lục 4A**

THỰC TRẠNG VIÊN CHỨC THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP HOẶC NGẠCH CÔNG CHỨC
TẠI THỜI ĐIỂM TRƯỚC KHI PHÊ DUYỆT VTVL THEO HƯỚNG DẪN CỦA BỘ QUẢN LÝ NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Văn bản số 1210/BNV-TCBC ngày 08 tháng 03 năm 2024 của Bộ Nội vụ)

TT	Tên đơn vị	Số lượng người làm việc được giao	Số viên chức có mặt chia theo chức danh nghề nghiệp hoặc ngạch công chức											Ghi chú
			Tổng số	Theo chức danh nghề nghiệp						Áp dụng ngạch công chức (nếu có)				
				Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Hạng V	Chưa xếp hạng	CVC & TĐ	CV & TĐ	CS & TĐ	Nhân viên	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*
	TỔNG CỘNG (I + II)													
I	**Khối các cơ quan thuộc, trực thuộc cấp tỉnh**													
1	**Lĩnh vực giáo dục và đào tạo**													
	- Trung tâm…													
	- Các trường …													
2	**Lĩnh vực lao động, giáo dục nghề nghiệp**													
	- Trường …													
	- Trung tâm…													
3	**Lĩnh vực y tế**													

	- Bệnh viện…													
	- Trung tâm…													
4	**Lĩnh vực thông tin, truyền thông**													
	- Trung tâm…													
5	**Lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch**													
	- Trung tâm…													
6	**Lĩnh vực khoa học, công nghệ**													
	- Trung tâm...													
7	**Lĩnh vực công thương**													
	…													
8	**Lĩnh vực xây dựng**													
	….													
9	**Lĩnh vực tài chính**													
	….													
10	**Lĩnh vực nông nghiệp**													
	….													
11	**Lĩnh vực ngân hàng**													
	…													
12	**Lĩnh vực tài nguyên, môi trường**													
	…													
13	**Lĩnh vực tư pháp**													

	…													
14	**Lĩnh vực giao thông vận tải**													
	….													
15	**Lĩnh vực nội vụ**													
	….													
II	**Khối các cơ quan cấp huyện**													
	…..													

TỈNH, THÀNH PHỐ:..... **Phụ lục 4B**

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÊ DUYỆT VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ BỐ TRÍ SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

(Kèm theo Văn bản số 1210/BNV-TCBC ngày 08 tháng 03 năm 2024 của Bộ Nội vụ)

TT	Tên đơn vị	Số lượng vị trí việc làm					Số được giao tương ứng với các vị trí việc làm					Cơ cấu theo vị trí việc làm																					Ghi chú
		Tổng số	*Chia ra*				Tổng số	Số lượng người làm việc được giao tương ứng với các VTVL			Số được giao tương ứng với VTVL hỗ trợ, phục vụ (nếu có)	Cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp																				*VTVL hỗ trợ, phục vụ*		
								Chia ra				*Chia ra*																							
												VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành										***VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung***												
												Chức danh nghề nghiệp						Áp dụng ngạch công chức (nếu có)				Chức danh nghề nghiệp					Áp dụng ngạch công chức (nếu có)						
			VTVL lãnh đạo, quản lý	VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung (nếu có)	VTVL hỗ trợ, phục vụ (nếu có)		VTVL lãnh đạo, quản lý	VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung (nếu có)		Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Hạng V	Chưa xếp hạng	CVC & TĐ	CV & TĐ	CS & TĐ	Nhân viên	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Hạng V	CVC & TĐ	CV & TĐ	CS & TĐ	Nhân viên	CS & TĐ	Nhân viên	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*	*(18)*	*(19)*	*(20)*	*(21)*	*(22)*	*(23)*	*(24)*	*(25)*	*(26)*	*(27)*	*(28)*	*(29)*	*(30)*	*(31)*	*(32)*	*(33)*	*(34)*
	TỔNG CỘNG (I + II)																																
	Tỷ lệ											%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%	
I	**Khối các cơ quan thuộc, trực thuộc cấp tỉnh**																																
1	**Lĩnh vực giáo dục và đào tạo**																																
	- Trung tâm…																																
	- Các trường …																																
2	**Lĩnh vực lao động, giáo dục nghề nghiệp**																																
	- Trường …																																
	- Trung tâm…																																
3	**Lĩnh vực y tế**																																
	- Bệnh viện…																																
	- Trung tâm…																																
4	**Lĩnh vực thông tin, truyền thông**																																
	- Trung tâm…																																
5	**Lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch**																																
	- Trung tâm…																																
6	**Lĩnh vực khoa học, công nghệ**																																
	- Trung tâm...																																
7	**Lĩnh vực công thương**																																
	…																																
8	**Lĩnh vực xây dựng**																																
	….																																

9	**Lĩnh vực tài chính**																																
	….																																
10	**Lĩnh vực nông nghiệp**																																
	….																																
11	**Lĩnh vực ngân hàng**																																
	…																																
12	**Lĩnh vực tài nguyên, môi trường**																																
	…																																
13	**Lĩnh vực tư pháp**																																
	…																																
14	**Lĩnh vực giao thông vận tải**																																
	….																																
15	**Lĩnh vực nội vụ**																																
	….																																
II	**Khối các cơ quan cấp huyện**																																
	…..																																

Ghi chú:

- Cột (10) = Cột (13) + Cột (14) + Cột (15) +Cột (16) + Cột (17) +Cột (18) + Cột 19 + Cột (20) + Cột (21) + Cột (22)
- Cột (11) = Cột (23) + Cột (24) + Cột (25) + Cột (26) +Cột (27) + Cột (28) +Cột (29) + Cột (30) + Cột (31)
- Cột (18): Chỉ thống kê đối với:

+ 04 vị trí thuộc ngành, lĩnh vực giáo dục và đào tạo: Giáo vụ; Tư vấn học sinh; Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật; Thiết bị, thí nghiệm.
+ 02 vị trí thuộc ngành, lĩnh vực y tế: Tâm lý y khoa; Tâm lý lâm sàng.
+ 18 vị trí thuộc ngành giao thông vận tải, gồm: Thuyền trưởng; Máy trưởng; Đại phó: Máy hai; Thuyền phó hai; Máy ba; Thuyền phó ba; Máy tư; Sỹ quan kỹ thuật điện; Thủy thủ trưởng; Thủy thủ; Thợ máy; Thợ kỹ thuật điện; Nhân viên cứu nạn; Bác sỹ tàu; Y tá tàu; Phục vụ viên; Cấp dưỡng viên.